BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TƯ LỆNH LĂNG
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5537 /QĐ-BTL

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Danh mục, dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Sửa chữa thang máy các khu vực

TƯ LỆNH BỘ TƯ LỆNH LĂNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội khóa XV, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BQP ngày 12/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn một số nội dung về hoạt động đấu thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Thông tư số 102/2025/TT-BQP ngày 26/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Bộ Tư lệnh Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1948/QĐ-BTL ngày 30/12/2025 của Tư lệnh Bộ Tư lệnh Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc giao dự toán ngân sách năm 2026;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Hậu cần - Kỹ thuật tại Tờ trình số 5479/TTr-HCKT ngày 07/10/2026 về việc phê duyệt Danh mục, dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Sửa chữa thang máy các khu vực.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục, dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu Sửa chữa thang máy các khu vực với nội dung như sau:

(Chi tiết theo phụ lục I, II đính kèm)

Điều 2. Phòng Hậu cần – Kỹ thuật căn cứ vào nội dung phê duyệt tại Điều 1, hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức triển khai gói thầu theo đúng pháp luật của Nhà nước và

quy định của Bộ Quốc phòng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả không để tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Tư lệnh Bộ Tư lệnh Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Điều 3. Ban Tài chính có trách nhiệm rà soát, hướng dẫn thực hiện và giám sát hoạt động đấu thầu theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Phòng Hậu cần - Kỹ thuật, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Tư lệnh (để b/cáo);
- Phòng HCKT (02);
- Ban Tài chính;
- PGD số 1 – KBNN KV I;
- Lưu: VT, DT(03). H08.

KT. TƯ LỆNH
PHÓ TƯ LỆNH

BỘ QUỐC PHÒNG * BTL LĂNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH *

Đại tá Nguyễn Hoàng Ân

Phụ lục I

DANH MỤC, DỰ TOÁN GÓI THẦU SỬA CHỮA THANG MÁY CÁC KHU VỰC

(Kèm theo Quyết định số 5537 /QĐ-BTL ngày 09 / 12/2026 của Ban Tư lệnh Bộ Tư Lệnh Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh)

ĐVT: Đồng

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	**Vận thăng tải trọng 100kg. Tốc độ 15.0m/min, 02 điểm dừng, Số 1 Ông Ích Khiêm, Ba Đình, Hà Nội**						**17.620.000**
1	Hiển thị ngoài tầng 1 và 2	LED12-24VDC	Trung Quốc	bộ	2	2.790.000	5.580.000
2	Shoe cabin	RayT50 - Shoe 5k	Trung Quốc	cái	4	1.440.000	5.760.000
3	Hộp dầu cabin	Chiều rộng: 10.5 cm. Chiều dài: 14. Chiều cao: 13	Việt Nam	cái	2	1.090.000	2.180.000
4	Dây cáp cửa tầng 1, 2	Cáp phi 6. 6x19 + FC (Gồm 6 tao cáp, mỗi tao có 19 sợi thép nhỏ bện lại với nhau để tối ưu độ mềm dẻo khi uốn qua puly cửa)	Trung Quốc	dây	2	2.050.000	4.100.000
II	**Thang máy PL2 MITSUBISHI Nexiez - MR T. Tải trọng 700kg, tốc độ 1,5m/s, 9 điểm dừng. Số 4 Vũ Thạnh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội**						**61.080.000**
5	Vòng bi đối trọng	6210 - z	Đức	vòng	2	1.000.000	2.000.000
6	Intercom (điện thoại liên lạc ra bên ngoài)	Kích thước: 98.5(W) X 68.4(D) X 215(H) m/m - 362(w) x 233(d) x 110(h) m/m - 12v - 24 v	Hàn Quốc	bộ	1	8.540.000	8.540.000
7	Cáp governor	Cáp phi 8 8x(S)19 + FC (Bện dạng Seale: Gồm 8 tao cáp chính, mỗi tao có 19 sợi thép bện chặt quấn quanh lõi đay). JIS G 3525 (Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản cao cấp) hoặc ISO 4344.	Nhật Bản	Mét	90	160.000	14.400.000
8	Công tắc an toàn hố pít	MCCB: 2 cực 1 tiếp điểm 15A	Việt Nam	cái	1	1.700.000	1.700.000

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
9	Hộp dầu cabine đối trọng	Chiều rộng: 10.5 cm. Chiều dài 14. Chiều cao 13	Việt Nam	cái	4	1.090.000	4.360.000
10	Bo nguồn dùng cho cabine	PWB;655H	Trung Quốc	cái	1	21.360.000	21.360.000
11	Quạt thông gió cabine	FB/9B	Trung Quốc	cái	1	4.530.000	4.530.000
12	Dây đai cửa cabine	5 M/15	Trung Quốc	cái	1	4.190.000	4.190.000
III	**Thang máy PL1 Shanghai Mitsubishi HOPE-II. Tải trọng 800kg, tốc độ 1,5m/s, 06 điểm dừng. Số 4 Vũ Thạnh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội**						**48.910.000**
13	Vòng bi tay búa cửa cabine	6205	Đức	cái	4	570.000	2.280.000
14	Quạt thông gió cabine	FB/9B	Trung Quốc	cái	1	4.530.000	4.530.000
15	Cáp governor phi 8	Cáp phi 8. 8x(S)19 + FC (Bện dạng Seale: Gồm 8 tao cáp chính, mỗi tao có 19 sợi thép bện chặt quấn quanh lõi đay). JIS G 3525 (Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản cao cấp) hoặc ISO 4344.	Nhật Bản	Mét	90	160.000	14.400.000
16	Phớt chặn dầu	Z31RA	Trung Quốc	cái	2	1.870.000	3.740.000
17	Dầu bánh răng	CARTER XEP 460	Việt Nam	L	10	370.000	3.700.000
18	Intercom (điện thoại liên lạc ra bên ngoài)	Kích thước: 98.5(W) X 68.4(D) X 215(H) m/m. 362(w) x 233(d) x 110(h) m/m. 12v - 24 v	Hàn Quốc	cái	1	8.540.000	8.540.000
19	Ắc quy cứu hộ 12v7Ah	CP12170E-X (12V-17Ah)	Việt Nam	cái	8	920.000	7.360.000
20	Hộp dầu cabine, đối trọng	Chiều rộng: 10.5 cm. Chiều dài 14. Chiều cao 13	Việt Nam	cái	4	1.090.000	4.360.000
IV	**Thang máy PL3 Shanghai Mitsubishi HOPE-II. Tải trọng 800kg, tốc độ 1,5m/s, 06 điểm dừng. Số 4 Vũ Thạnh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội**						**41.940.000**
21	Ắc quy cứu hộ 12v7Ah	CP12170E-X (12V-17Ah)	Việt Nam	cái	8	920.000	7.360.000
22	Phớt chặn dầu	Z31RA	Trung Quốc	cái	2	1.870.000	3.740.000
23	Dầu bánh răng	CARTER XEP 460	Việt Nam	l	10	370.000	3.700.000

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
24	Quạt thông gió cabine	FB/9B	Trung Quốc	cái	1	4.530.000	4.530.000
25	Hộp dầu cabine, đối trọng	Chiều rộng: 10.5 cm. Chiều dài 14. Chiều cao 13	Việt Nam	cái	4	1.090.000	4.360.000
26	Vòng bi búa cửa	6205	Đức	vòng	4	570.000	2.280.000
27	Vòng bi căng dây đai cửa cabine	6201-SKF	Trung Quốc	vòng	1	830.000	830.000
28	Bóng đèn cabine	Đèn LED âm trần phi 90/9W Rạng Đông, LED 9W Phi 90 Sử dụng LED Samsung, Đèn Led Downlight 9w	Việt Nam	cái	2	370.000	740.000
29	Cáp governor phi 8	Cáp phi 8. 8x(S)19 + FC (Bện dạng Seale: Gồm 8 tao cáp chính, mỗi tao có 19 sợi thép bện chặt quấn quanh lõi đay). JIS G 3525 (Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản cao cấp) hoặc ISO 4344.	Nhật Bản	Mét	90	160.000	14.400.000
V	**Thang máy PL4 Shanghai Mitsubishi HOPE-II. Tải trọng 800kg, tốc độ 1,5m/s, 06 điểm dừng. Số 4 Vũ Thạnh, Ô Chợ Dừa, Hà Nội**						**47.560.000**
30	Bóng đèn cabine	Đèn LED âm trần phi 90/9W Rạng Đông, LED 9W Phi 90 Sử dụng LED Samsung, Đèn Led Downlight 9w	Việt Nam	cái	2	370.000	740.000
31	Vòng bi búa cửa	6205	Đức	vòng	2	570.000	1.140.000
32	Ắc quy cứu hộ 12v7Ah	CP12170E-X (12V-17Ah)	Việt Nam	cái	8	920.000	7.360.000
33	Phớt chặn dầu	Z31RA	Trung Quốc	cái	2	1.870.000	3.740.000
34	Dầu bánh răng	Z31RA	Việt Nam	L	10	370.000	3.700.000
35	Hộp dầu cabine, đối trọng	Chiều rộng: 10.5 cm. Chiều dài 14. Chiều cao 13	Việt Nam	cái	4	1.090.000	4.360.000
36	Nút bấm phi 36 (nút đóng nhanh)	MTD 313	Trung Quốc	cái	1	2.140.000	2.140.000

STT	Danh mục hàng hóa/dịch vụ	Mô tả hàng hóa/dịch vụ	Xuất xứ	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
37	Vòng bi governor	6210 - z	Đức	vòng	1	1.000.000	1.000.000
38	Cáp governor phi 8	Cáp phi 8. 8x(S)19 + FC (Bện dạng Seale: Gồm 8 tao cáp chính, mỗi tao có 19 sợi thép bện chặt quấn quanh lõi đay). JIS G 3525 (Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản cao cấp) hoặc ISO 4344.	Nhật Bản	Mét	60	160.000	9.600.000
39	Cảm biến an toàn cửa cabine	WECO- 917T71	Trung Quốc	cái	1	13.780.000	13.780.000
VI	**Thang máy Shanghai Mitsubishi LEHY MRL. Tải trọng 600kg, tốc độ 1,5m/s, 04 điểm dừng. Bất Bạt, Hà Nội**						**10.080.000**
40	Ắc quy cứu hộ 12v7Ah	CP12170E-X (12V-17Ah)	Việt Nam	cái	4	920.000	3.680.000
41	Cáp governor phi 8	Cáp phi 8. 8x(S)19 + FC (Bện dạng Seale: Gồm 8 tao cáp chính, mỗi tao có 19 sợi thép bện chặt quấn quanh lõi đay). JIS G 3525 (Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản cao cấp) hoặc ISO 4344.	Nhật Bản	Mét	40	160.000	6.400.000
VII	**Vận thăng F150KG-CO12-3/3. Tải trọng 150kg, Tốc độ 15.0m/min, 02 điểm dừng. Bất Bạt, Hà Nội**						**122.810.000**
42	Buồng cabine Thang máy	1200mm * 1200mm. innox 304, dày 1,2 mm	Việt Nam	bộ	1	59.530.000	59.530.000
43	Cửa tầng 1,2	900mm*1200mm. innox 304, dày 1,2 mm	Việt Nam	bộ	2	21.360.000	42.720.000
44	Hệ thống cảm biến dọc hố	WECO- K3	Trung Quốc	cái	4	5.140.000	20.560.000
	TỔNG CỘNG						**350.000.000**

Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng./.

Phụ lục II

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

GÓI THẦU SỬA CHỮA THANG MÁY CÁC KHU VỰC

(Kèm theo Quyết định số 5537/QĐ-BTL ngày 09/10/2026 của Tư lệnh Bộ Tư Lệnh Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh)

ĐVT: Đồng

STT	Bên Mời thầu	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	BTL Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	Sửa chữa thang máy các khu vực	Sửa chữa thang máy các khu vực	350.000.000	Ngân sách năm 2026	Chào giá trực tuyến rút gọn	30 ngày	Tháng 10 năm 2026	Trọn gói	30 ngày	Không	Không đề xuất
Tổng giá gói thầu				**350.000.000**								

Bằng chữ: Ba trăm năm mươi triệu đồng./.